

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 MÔN TOÁN LỚP 1

ĐỀ SỐ 1

I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Khoanh vào đáp án đúng

1. Số liền trước và số liền sau của số 17 là :

a, 15 và 16 b, 15 và 18 c, 16 và 18 d, 15 và 17

2. Số gồm 8 chục và 2 đơn vị là:

a, 28 b, 92 c, 82 d, 80

3. Phép cộng $19 + 9$ có kết quả bằng:

a, 18 b, 29 c, 28 d, 39

II. Tự luận (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính (4 điểm)

a, $38 + 7$ b, $54 - 8$ c, $72 - 3$ d, $28 + 6$

.....

.....

.....

Bài 2: Nối phép tính với kết quả đúng: (2 điểm)

| |
|----------|
| $17 - 9$ |
| $34 + 7$ |
| $77 - 9$ |
| $29 + 6$ |

| |
|----|
| 65 |
| 35 |
| 8 |
| 41 |

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (2 điểm)

a, $39 + 23 = 52$ ☐

b, $43 - 5 = 48$ ☐

c, $12 + 23 = 45$ ☐

d, $26 - 9 = 15$ ☐

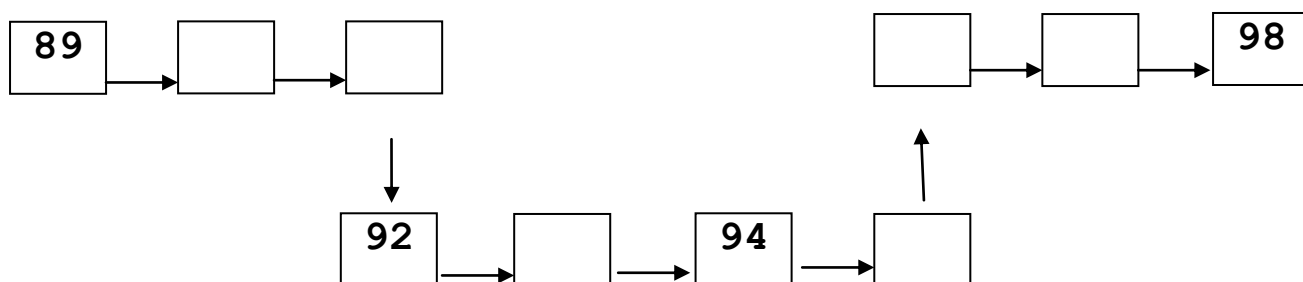
Đề 1.1

Bài 1: (2đ) Đặt tính rồi tính :

$$32 + 42 \quad ; \quad 94 - 21 \quad ; \quad 50 + 38 \quad ; \quad 67 - 3$$

.....

Bài 2: (2đ) Viết số thích hợp vào ô trống:



Bài 3 (4đ): a, Khoanh tròn vào số bé nhất: 81 75 90 51

b, Khoanh tròn vào số lớn nhất: 62 70 68 59

c, Đúng ghi (Đ), sai ghi (S)

- Số liền sau của 23 là 24

☐

- Số liền sau của 84 là 83

☐

- số liền sau của 79 là 70

☐

- Số liền sau của 98 là 99

☐

- Số liền sau của 99 là 100

☐

Bài 4 (2đ): An có 19 quả táo, An cho em 7 quả. Hỏi An còn bao nhiêu quả táo ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

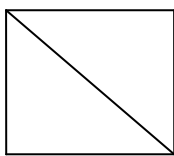
.....

.....

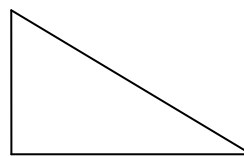
.....

.....

Bài 5 (1đ) : Mỗi hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng ?



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

ĐỀ SỐ 2

Bài 1:

a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60;...; ...;..., 64; 65; ...; 67;...;...; 70

71;...; 73;...;...; 76; 77; ...; ...; 80

b) Viết thành các số:

Bốn mươi ba:.....

Ba mươi hai:.....

Chín mươi bảy:.....

Hai mươi tám:

Sáu mươi chín:.....

Tám mươi tư:

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

| | | | | |
|----|-----------|-----------|-----------|----------|
| a) | $45 + 34$ | $56 - 20$ | $18 + 71$ | $74 - 3$ |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | |
|----|-------------------------------------|----------------------|
| b) | $58\text{cm} + 40\text{cm} = \dots$ | $57 + 2 - 4 = \dots$ |
|----|-------------------------------------|----------------------|

Bài 3.

| | | | |
|--|--|--|--|
| $\begin{array}{ l} > \\ < \\ \equiv \end{array} ?$ | $63 \begin{array}{ c } \hline \square \\ \hline \end{array} 60$ \square | $65 \begin{array}{ c } \hline \square \\ \hline \end{array} 48$ \square | $88 - 45 \begin{array}{ c } \hline \square \\ \hline \end{array} 63 - 20$ \square |
| | $19 \begin{array}{ c } \hline \square \\ \hline \end{array} 17$ \square | $54 \begin{array}{ c } \hline \square \\ \hline \end{array} 72$ \square | $49 - 2 \begin{array}{ c } \hline \square \\ \hline \end{array} 94 - 2$ \square |

Bài 4: Mẹ hái được 85 quả hồng, mẹ đã bán 60 quả hồng. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả hồng ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

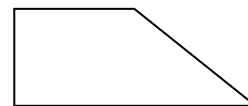
.....

.....

.....

Bài 5: Vẽ thêm một đoạn thẳng để có:

- Một hình vuông và một hình tam giác ?



Bài 6: Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 8 cm?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 3

1. a) Viết thnh các số

Năm mươi tư: ; Mười:

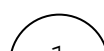
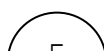
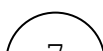
Bảy mươi một: ; Một trăm :

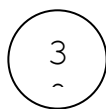
b) Khoanh tròn số bé nhất : 54 ; 29; 45; 37

c) Viết các số 62 ; 81 ; 38 ; 73 theo thứ tự từ lớn đến bé :

.....

2. a) Nối số với phép tính thích hợp :





$$92 -$$

$$78 -$$

$$40 +$$

$$25 -$$

b) Đặt tính rồi tính :

$$3 + 63$$

$$99 - 48$$

$$54 + 45$$

$$65 - 23$$

.....

c) Tính :

$$27 + 12 - 4 = \dots\dots\dots$$

;

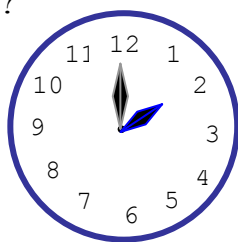
$$38 - 32 + 32 = \dots\dots\dots$$

$$25\text{cm} + 14\text{cm} = \dots\dots\dots$$

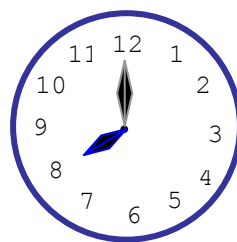
;

$$56\text{cm} - 6\text{cm} + 7\text{cm} = \dots\dots\dots$$

3. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



..... giờ



..... giờ

4. Viết $<$, $>$, $=$

$$27 \dots\dots\dots 31$$

$$; 99 \dots\dots\dots 100$$

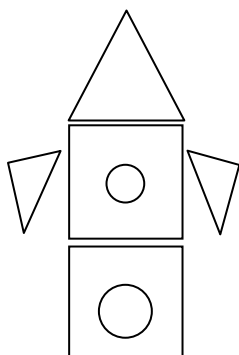
$$94 - 4 \dots\dots\dots 80$$

$$; 18 \dots\dots\dots 20 - 10$$

$$56 - 14 \dots\dots\dots 46 - 14$$

$$; 25 + 41 \dots\dots\dots 41 + 25$$

5.



Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình vuông

..... hình tròn

6. Lớp em có 24 học sinh nữ, 21 học sinh nam. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu học sinh?

Giải

.....

7. Một sợi dây dài 25cm. Lan cắt đi 5cm. Hỏi sợi dây còn lại dài mấy xăng-ti-mét?

Giải

.....

8. Viết số thích hợp vào

$$\begin{array}{r} 7 \square \\ + \\ \hline 12 \\ 87 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ - \square \\ \hline 24 \\ 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 9 \\ + \square \\ \hline 10 \\ 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 4 \\ - \\ \hline 20 \\ 44 \end{array}$$

9. Tính nhẩm : $43 + 6 = \dots\dots\dots$; $60 - 20 = \dots\dots\dots$
 $50 + 30 = \dots\dots\dots$; $29 - 9 = \dots\dots\dots$

ĐỀ SỐ 4

BÀI 1 : Viết số (2điểm)

a) Viết các số từ 89 đến 100:

b) Viết số vào chỗ chấm:

Số liền trước của 99 là ; 70 gồm chục và đơn vị

Số liền sau của 99 là ; 81 gồm chục và đơn vị

BÀI 2 : (3điểm)

a) Tính nhẩm : $3 + 36 = \dots\dots\dots$; $45 - 20 = \dots\dots\dots$; $50 + 37 = \dots\dots\dots$; $99 - 9 = \dots\dots\dots$

b) Đặt tính rồi tính :

$$51 + 27$$

$$78 - 36$$

.....

.....

.....

.....

.....

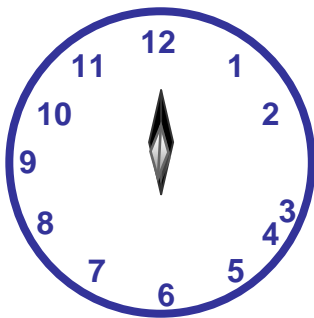
.....

c) Tính :

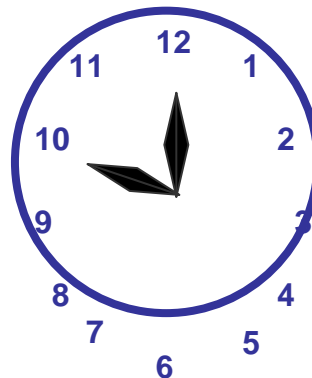
$$17 + 14 - 14 = \dots\dots\dots ;$$

$$38 \text{ cm} - 10 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

BÀI 3 : Đồng hồ chỉ mấy giờ ? (1điểm)



..... giờ



..... giờ

BÀI 4 :

(1điểm)

| |
|---|
| > |
| < |
| = |

?

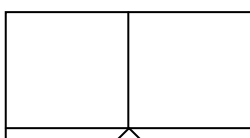
$$79 \dots\dots\dots 74 ;$$

$$56 \dots\dots\dots 50 + 6$$

$$60 \dots\dots\dots 95 ;$$

$$32 - 2 \dots\dots\dots 32 + 2$$

BÀI 5 : (1điểm)



Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình vuông

BÀI 6 :Trong vườn nhà em có 26 cây cam và cây bưởi, trong đó có 15 cây cam. Hỏi trong vườn nhà em có bao nhiêu cây bưởi ?

Giải

.....

ĐỀ SỐ 5

Bài 1 :

...../ 2
điểm

a).Viết số thích hợp vào chỗ trống :

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 41 | |
| | 70 | |

b). Khoanh vào số lớn nhất :

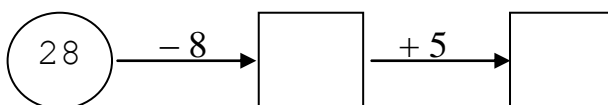
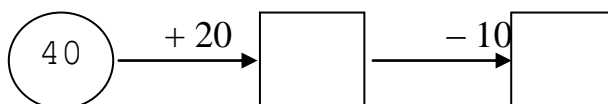
75 ; 58 ; 92 ; 87

c). Viết các số : 47 ; 39 ; 41 ; 29 theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

.

Viết số thích hợp vào ô trống :



Bài 2 :

...../ 1
điểm

a). Đặt tính rồi tính :

$$24 + 35$$

$$67 - 54$$

$$73 + 21$$

$$98 - 97$$

.....

.....

.....

Bài 3 :

...../ 4
điểm

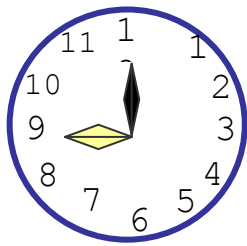
b). Tính : $32 + 5 - 13 = \dots\dots\dots$; $76 - 4 + 4 = \dots\dots\dots$

$30\text{cm} + 4\text{cm} = \dots\dots\dots$; $18\text{cm} - 8\text{cm} = \dots\dots\dots$

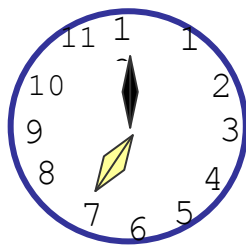
Bài 4 :

...../ 1
điểm

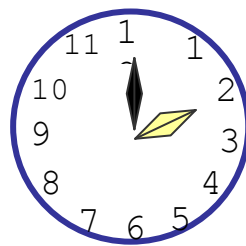
Nối đồng hồ với giờ thích hợp :



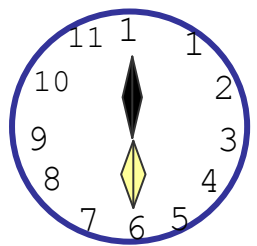
2 giờ



6 giờ



7 giờ



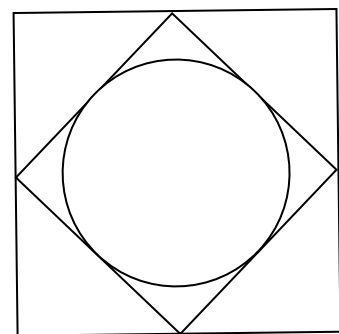
9 giờ

Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình tròn

..... hình vuông



Bài 5 :

...../ 1
điểm

Băng giấy màu xanh dài 40cm , băng giấy màu đỏ dài 30cm . Hỏi cả hai băng giấy dài bao nhiêu xăng ti mét ?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6 :

...../ 1
điểm

ĐỀ SỐ 6

1. Đặt tính rồi tính :

$$56 + 43$$

$$79 - 2$$

$$4 + 82$$

$$65 - 23$$

.....
.....
.....

2. Tính : $40 + 20 - 40 = \dots\dots\dots$; $38 - 8 + 7 = \dots\dots\dots$

$55 - 10 + 4 = \dots\dots\dots$; $25 + 12 + 2 = \dots\dots\dots$

$25\text{cm} + 14\text{cm} = \dots\dots\dots$; $56\text{cm} - 6\text{cm} + 7\text{cm} = \dots\dots\dots$

$48\text{ cm} + 21\text{cm} = \dots\dots\dots$; $74\text{cm} - 4\text{cm} + 3\text{cm} = \dots\dots\dots$

3. Nam có 36 viên bi gồm bi xanh và bi đỏ, trong đó có 14 viên bi xanh. Hỏi Nam có mấy viên bi đỏ ?
Giải

.....
.....
.....

4. Một cửa hàng có 95 quyển vở , cửa hàng đã bán 40 quyển vở . Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở ?
Giải

.....
.....
.....

5 Một quyển sách có 65 trang, Lan đã đọc hết 35 trang. Hỏi **Lan còn phải đọc** bao nhiêu **trang** nữa thì hết quyển sách ?
Giải

.....

1. a) Viết các số Bốn mươi lăm : ; Năm mươi tư :

b) Đọc số và viết thành chữ : 69 : ; 100 :

c) Khoanh tròn số bé nhất : 61 ; 38 ; 41 ; 90

d) Viết các số 19 ; 81 ; 74 ; 36 theo thứ tự từ lớn đến bé :

2. a) Nối số với phép tính thích hợp :

8
-
~

6
-
~

4
-
~

2
-
~

84 -
-
~

40 -
-
~

40 +
-
~

30 +
-
~

b) Đặt tính rồi tính :

$$63 + 32$$

$$88 - 25$$

$$72 + 16$$

$$49 - 39$$

.....
.....
.....

d) Tính : $35 + 40 - 5 = \dots\dots\dots$; $94 - 3 + 5 = \dots\dots\dots$

$60\text{cm} + 5\text{cm} = \dots\dots\dots$; $60\text{m} - 40\text{cm} = \dots\dots\dots$

3. Mẹ mua 20 quả trứng , sau đó mẹ mua thêm 1 chục quả trứng nữa .Hỏi mẹ mua tất cả bao nhiêu quả trứng ?
Bài giải

.....
.....

ĐỀ SỐ 7

1. Tính

$31 + 14 = \dots\dots\dots$

$36 - 21 = \dots\dots\dots$

$87 + 12 = \dots\dots\dots$

$14 + 31 = \dots\dots\dots$

$36 - 15 = \dots\dots\dots$

$87 - 12 = \dots\dots\dots$

$62 + 3 = \dots\dots\dots$

$55 - 2 = \dots\dots\dots$

$90 + 8 = \dots\dots\dots$

$62 + 30 = \dots\dots\dots$

$55 - 20 = \dots\dots\dots$

$90 - 80 = \dots\dots\dots$

2. Viết số $50 + \dots = 50$

$49 - \dots = 40$

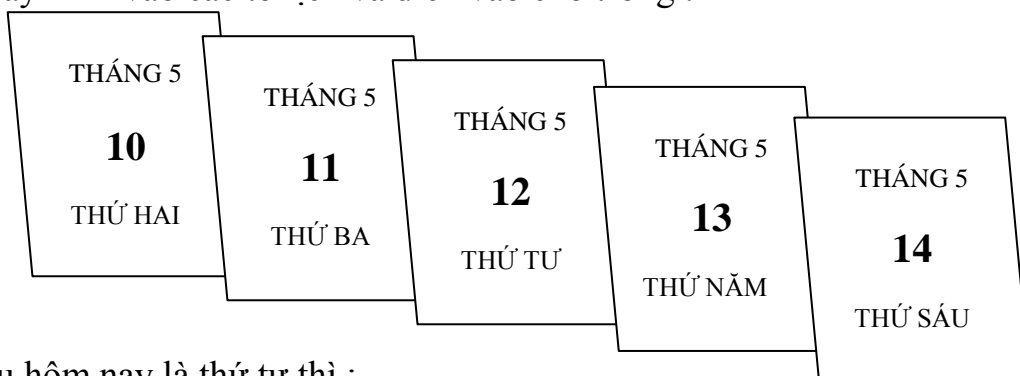
$49 - \dots = 9$

$\dots + \dots = 40$

$75 = \dots + \dots$

$60 - \dots > 40$

3. Em hãy nhìn vào các tờ lịch và điền vào chỗ trống :



a) Nếu hôm nay là thứ tư thì :

- Ngày hôm qua là thứ

- Ngày mai là thứ

- Ngày hôm kia là thứ

- Ngày kia là thứ

b) Thứ năm , ngày, tháng

Thứ, ngày 11 , tháng

4. Kỳ nghỉ hè, Lan về quê thăm ông bà hết 1 tuần lễ và 3 ngày . Hỏi Lan đã ở quê tất cả mấy ngày ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

5. Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài là 10 cm

.....

ĐỀ SỐ 8

1. a) Viết các số Năm mươi : ; Ba mươi một :

.....

b) Đọc số : 78 : ; 99 :

.....

c) Khoanh tròn số lớn nhất : 76 ; 67 ; 91 ; 89

d) Viết các số 96 ; 87 ; 78 ; 91 theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

2 a) Đặt tính rồi tính :

$$6 + 52$$

$$37 - 25$$

$$66 + 22$$

$$89 - 7$$

.....

.....

.....

b) Tính : $35 + 40 - 75 = \dots\dots\dots$; $94 - 14 + 4 = \dots\dots\dots$

$80\text{cm} + 10\text{cm} = \dots\dots\dots$; $35\text{m} - 20\text{cm} = \dots\dots\dots$

3. Trong vườn có 35 cây bưởi và cây táo , trong đó có 15 cây bưởi. Hỏi trong vườn có mấy cây táo ?

Bài giải

.....

.....

.....

4. Nhà Lan nuôi 24 con gà và 25 con vịt. Hỏi nhà Lan nuôi tất cả bao nhiêu con gà và vịt ?

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 9

1 : Viết số

c) Viết các số từ 89 đến 100 :

.....

d) Viết số vào chỗ chấm :

Số liền trước của 90 là ; 17 gồm chục và đơn vị

Số liền sau của 99 là ; 50 gồm chục và đơn vị

c) Viết các số tròn chục :

.....

2 : a) Tính nhẩm : $3 + 36 = \dots\dots\dots$ $45 - 20 = \dots\dots\dots$ $50 + 37 = \dots\dots\dots$

$99 - 9 = \dots\dots\dots$ $17 - 16 = \dots\dots\dots$ $3 + 82 = \dots\dots\dots$

$17 + 14 - 14 = \dots\dots\dots$; $38 \text{ cm} - 10\text{cm} = \dots\dots\dots$

b) Đặt tính rồi tính :

| | | | |
|-----------|-----------|----------|----------|
| $51 + 27$ | $78 - 36$ | $84 - 4$ | $91 + 7$ |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

3. Viết $>$; $<$; $=$

$39 \dots\dots\dots 74$; $89 \dots\dots 98$; $56 \dots\dots\dots 50 + 6$

$68 \dots\dots\dots 66$; $99 \dots\dots 100$; $32 - 2 \dots\dots\dots 32 + 2$

4. Một đoạn dây dài 18cm , bị cắt ngắn đi 5cm . Hỏi đoạn dây còn lại dài mấy xăng ti mét ?

Giải

ĐỀ SỐ 10

Câu 1: a,Viết các số có 1 chữ số ?

.....

b,Số lớn nhất có 1 chữ số là số nào ?

.....

c,Những số nào ở giữa số 6 và số 12 ?

.....

Câu 2: a, Số nhỏ nhất có 2 chữ số là số nào ?

.....

b, Số lớn nhất có 2 chữ số là số nào ?

.....

c, Số nhỏ nhất có 2 chữ số khác nhau là số nào ?

.....

Câu 3: Minh nói: “Các số có 1 chữ số đều nhỏ hơn 10”. Sang lại nói:

“10 lớn hơn tất cả các số có 1 chữ số ”. Hai bạn nói có đúng không?

Trả lời:

Câu 4: Cho ba số 7;3 và 10. Hãy dùng dấu + ; - để viết thành các phép tính đúng.

Trả lời:

.....

.....

Câu 5: An hơn Tùng 3 tuổi. Biết rằng An 10 tuổi. Hỏi Tùng bao nhiêu tuổi?

Giải:

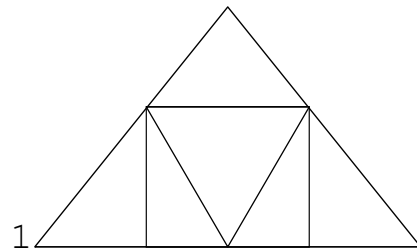
.....

.....

.....

Câu 6:

- a, Có bao nhiêu hình chữ nhật ?
 Có tất cả số hình chữ nhật là
- b, Có bao nhiêu hình tam giác ?
 Có tất cả số hình tam giác là

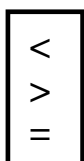


ĐỀ SỐ 11

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

| | | | |
|--|--|--|--|
| 24 + 35 | 52 + 36 | 77 - 43 | 68 - 35 |
| | | | |

Câu 2: (1 điểm)



?

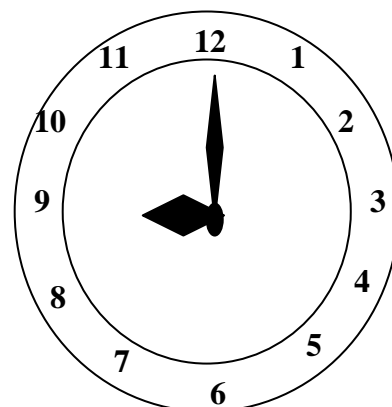
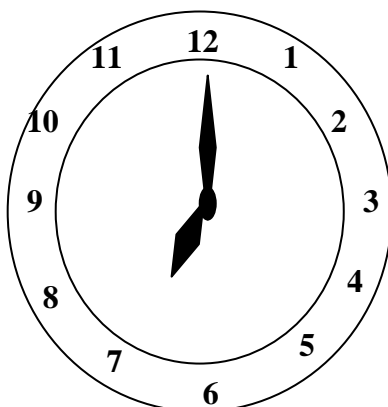
$35 + 3 \dots\dots\dots 37$

$24 + 5 \dots\dots\dots 29$

$54 + 4 \dots\dots\dots 45 + 3$

$37 - 3 \dots\dots\dots 32 + 3$

Câu 3: (1 điểm) Đồng hồ chỉ mấy giờ?



.....

.....

Câu 4: (1 điểm) Viết các số 38, 40, 25, 71 theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé:.....

b) Từ bé đến lớn:.....

Câu 5: (1,5 điểm)

Lớp 1A có 24 học sinh. Lớp 1B có 21 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

.....

.....

.....

.....

Câu 6: (2 điểm) Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Có : 37 hình tròn

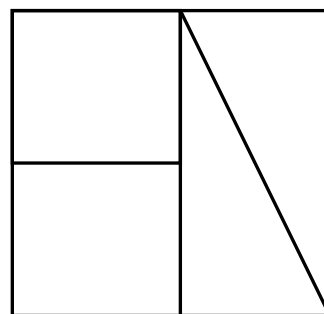
Tô màu: 24 hình tròn

Không tô màu:.....hình tròn?

Câu 7: (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Hình dưới đây có: hình chữ nhật

:.....hình tam giác



ĐỀ SỐ 12

Phần 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất .(3 đ)

1) Một tuần lễ em đi học mấy ngày ?

a. 7 ngày

b.6 ngày

c. 5 ngày

d.4 ngày

2) 65 gồm:

a. 60 chục và 5 đơn vị

c. 5 chục và 6 đơn vị

b. 6 chục và 5 đơn vị

d. 6 và 5

3) 55 đọc là :

A. năm mươi năm

B. năm mươi lăm

C. năm năm

D. năm lăm

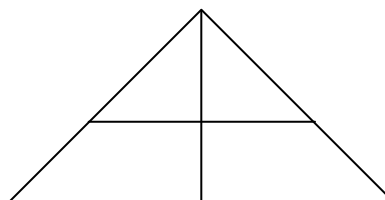
4) Hình bên gồm :

a. 4 hình tam giác

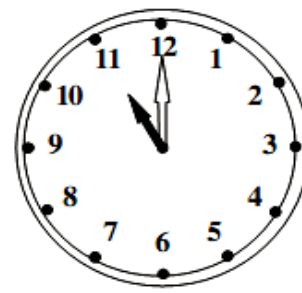
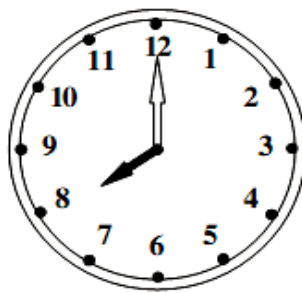
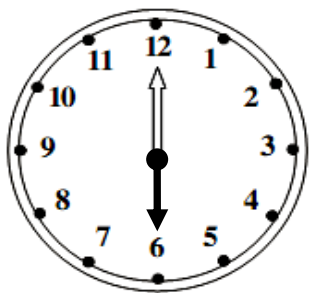
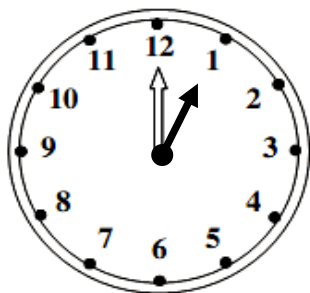
b. 5 hình tam giác

c. 6 hình tam giác

d. 7 hình tam giác



5) Nối đồng hồ với số giờ đúng:



8 giờ

1 giờ

6 giờ

11

Phần 2: (7 đ)

1) Tính (1 đ)

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} - 97 \\ + 25 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 4 \\ + 31 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} - 68 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

2) Viết số thích hợp vào ô trống (1 đ):

$$71 \xrightarrow{+21} \boxed{}$$

$$34 \xrightarrow{-} \boxed{}$$

$$94 \xrightarrow{-} \boxed{} \xrightarrow{+} \boxed{}$$

3) Điền dấu < , > , = vào chỗ chấm (2 đ) :

- a. $27\text{cm} - 21\text{cm} \dots\dots 8\text{cm}$ c. $34\text{cm} + 52\text{cm} \dots\dots 52\text{cm} + 34\text{cm}$
 b. $41\text{cm} + 8\text{cm} \dots\dots 45\text{cm}$ d. $13\text{cm} + 43\text{cm} \dots\dots 42\text{cm} + 13\text{cm}$

4) Viết số (1 đ)

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 80 | |
| | 49 | |
| | 99 | |
| | 61 | |

5) Lớp 1A có 36 bạn trong đó có 10 bạn nữ. Hỏi có bao nhiêu bạn nam ? (2 đ)

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 12

Phần 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất .(3 đ)

1) Một tuần lễ em nghỉ học mấy ngày ?

- a. 4 ngày b. 3 ngày c. 2 ngày d. 1 ngày

2) 75 gồm:

- a. 70 chục và 5 đơn vị c. 7 và 5
 b. 5 chục và 7 đơn vị d. 7 chục và 5 đơn vị

3) 25 đọc là :

a. hai mươi năm

b. hai năm

c. hai mươi lăm

d. hai lăm

4) Hình bên gồm :

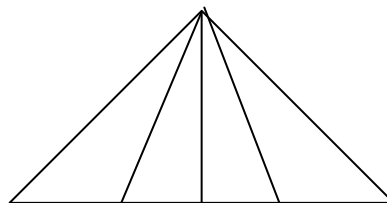
a. 4 hình tam giác

b. 5 hình tam giác

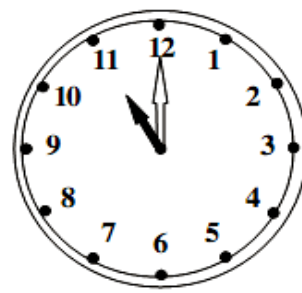
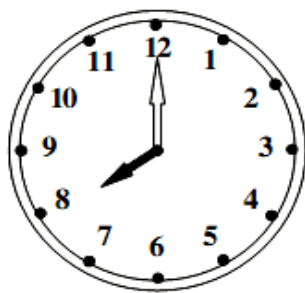
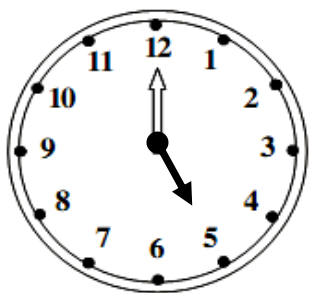
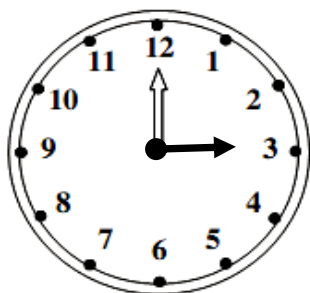
c. 6 hình tam giác

d. 7 hình tam giác

e. 10 tam giác



5) Nối đồng hồ với số giờ đúng:



8

3 giờ

5 giờ

11 giờ

Phần 2: (7 đ)

1) Tính (1 đ)

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} - 87 \\ + 35 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 7 \\ + 32 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} - 69 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

2) Viết số thích hợp vào ô trống (1 đ):

+21

-

63 \longrightarrow

56 \longrightarrow

84 $\xrightarrow{-}$ $\xrightarrow{+}$

3) Điền dấu $<$, $>$, $=$ vào chỗ chấm (2 đ) :

a. $47\text{cm} - 21\text{cm} \dots\dots 18\text{cm}$

c. $35\text{cm} + 50\text{cm} \dots\dots 50\text{cm} + 35\text{cm}$

b. $41\text{cm} + 8\text{cm} \dots\dots 42\text{cm}$

d. $17\text{cm} + 41\text{cm} \dots\dots 40\text{cm} + 17\text{cm}$

4) Viết số (1 đ)

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 90 | |
| | 59 | |
| | 99 | |
| | 51 | |

5) Lớp 1A có 34 bạn trong đó có 10 bạn nam. Hỏi có bao nhiêu bạn nữ ? (2 đ)

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 13

Bài 1: a) Khoanh vào số lớn nhất:

72

96

85

47

b) Khoanh tròn vào số bé nhất:

50

61

48

58

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước kết quả trả lời đúng.

a) Số liền trước của số 70 là:

A. 71

B. 69

C. 60

D. 80

b) Số liền sau của số 99 là:

A. 98

B. 90

C. 89

D. 100

Bài 3: Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống:

a) $77 - 7 - 0 = 77$ ☐

c) $65 - 33 < 33$ ☐

b) $90 + 5 > 94$ ☐

d) $63 = 36$ ☐

Bài 4: Đặt tính rồi tính:

$52 + 37$

$26 + 63$

$76 + 20$

$68 - 31$

$75 - 45$

$87 - 50$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

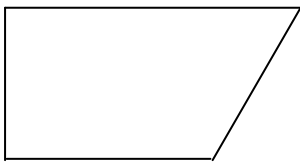
.....

.....

Bài 5: Một cuốn truyện có 37 trang, Lan đã đọc được 12 trang. Hỏi còn bao nhiêu trang Lan chưa đọc?

Bài giải:

Bài 6: Kẻ thêm một đoạn thẳng để có 2 hình tam giác:



ĐỀ SỐ 14

BÀI 1:

a. Viết các số sau :

- Sáu mươi chín.....

- Tám mươi ba

b. Viết số thích hợp vào ô trống

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 60 | |
| | 98 | |

BÀI 2. a. Viết đúng các số sau : 34 ; 29 ; 81 ; 63

- Theo thứ tự từ bé đến lớn

- Theo thứ tự từ lớn đến bé

b. Điền dấu vào ô trống < , > , =

$$- 41 + 32 \square 70 + 3$$

$$25 - 5 \square 45 - 23$$

BÀI 3 : Đặt tính rồi tính

$$39 - 23$$

$$56 - 14$$

$$47 + 52$$

$$42 + 34$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 4 : Tính :

$$a. 12 + 5 - 3 = \dots\dots\dots$$

$$29 - 4 + 5 = \dots\dots\dots$$

$$b. 38\text{cm} - 6\text{cm} + 20\text{cm} = \dots\dots\dots$$

$$40\text{ cm} + 7\text{cm} - 47\text{cm} = \dots\dots\dots$$

BÀI 5 :

a/ Nhà em có nuôi 24 con gà và 15 con vịt . Hỏi nhà em có tất cả bao nhiêu con gà và con vịt.

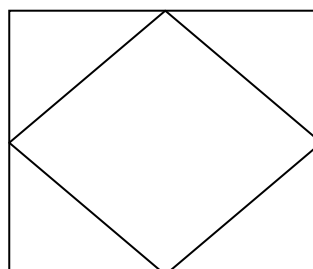
.....

b/ Lan có sợi dây dài 76cm, Lan cắt đi 40cm . Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăngtimet?

.....

BÀI 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm hình vẽ bên có ?

-hình tam giác ?
-hình vuông ?



ĐỀ SỐ 15

Câu 1: Viết số thích hợp vào ô trống

a,

| |
|----|
| 40 |
|----|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|----|
| 43 |
|----|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|----|
| 48 |
|----|

| |
|--|
| |
|--|

b,

| |
|----|
| 60 |
|----|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|----|
| 64 |
|----|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|----|
| 67 |
|----|

| |
|--|
| |
|--|

| |
|--|
| |
|--|

Câu 2: Tính

$$22 \text{ cm} + 32 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$80 \text{ cm} - 50 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 50 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$62 \text{ cm} - 12 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Câu 3: Đặt tính rồi tính:

$$35 + 23$$

$$89 - 41$$

$$37 + 21$$

$$82 + 6$$

| | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Câu 4: Có 8 con chim đậu trên cây, sau đó bay đi 2 con chim. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu con chim?

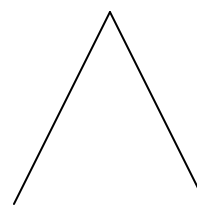
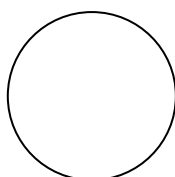
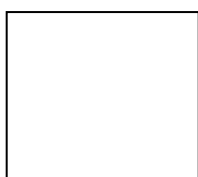
.....

.....

.....

.....

Câu 5: Viết tên mỗi hình vào chỗ chấm:



Hình

Hình

Hình

ĐỀ SỐ 16

Phần I: a. Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng ở các bài tập sau:

1. Số bốn mươi hai được viết là:

A. 402 ; B. 42 ; C. 24 ; D. 204;

2. Trong các số: 38, 19, 71, 62. Số lớn nhất là:

A. 38 ; B. 19 ; C. 71 ; D. 62;

a. Nối theo mẫu:

| | | |
|---------|---------|---------|
| Thứ hai | Ngày 14 | Thứ năm |
| | Ngày 15 | |
| Thứ bảy | Ngày 16 | Thứ ba |
| | Ngày 17 | |
| Thứ sáu | Ngày 18 | Thứ tư |
| | Ngày 19 | |

c.

| | | | |
|---|-----|--|----|
| > | 100 | | 10 |
| < | 15 | | 41 |
| = | 20 | | 20 |

| | | |
|----|--|----|
| 95 | | 59 |
| 34 | | 60 |
| 22 | | 11 |

Phần II: 1. Đặt tính rồi tính:

$$63 + 25$$

;

$$55 - 33$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.Tính: $4 + 14 + 1 = \dots\dots\dots$

;

$85 - 2 - 2 = \dots\dots\dots$

2. Đoạn thẳng AB dài 35cm, đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 4cm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu cm?

.....

.....

.....

.....

.....

Chưa in

ĐỀ SỐ 17

Bài 1. Điền số, viết số:

a. Điền số ?

| | | | | | | | | | | |
|----|--|--|----|--|----|--|----|--|----|--|
| 70 | | | 73 | | 75 | | 77 | | 79 | |
|----|--|--|----|--|----|--|----|--|----|--|

b. Viết(theo mẫu):

53: Năm mươi ba 30 :..... 60:.....

Tám mươi bốn: 84 Bảy mươi ba:..... Hai mươi mốt:.....

c. Viết các số 27 ; 63; 55; 20

- Theo thứ tự từ bé đến lớn :.....

- Theo thứ tự từ lớn đến bé :.....

Bài 2. Tính :

a/ $15 + 3 - 4 = \dots\dots\dots$ $50 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$80 - 40 + 20 = \dots\dots\dots$ $13 \text{ cm} + 5 \text{ cm} - 7 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

b/

$+ 62 - 75 + 42 - 86$

$$\begin{array}{r} 15 \\ \hline \dots\dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 33 \\ \hline \dots\dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 20 \\ \hline \dots\dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

Bài 3 :

$>$
 $<$
 $=$

?

$75 \quad \square \quad 23 + 34$

$20 + 35 \quad \square \quad 56$

$86 - 25 \quad \square \quad 51$

$67 - 7 \quad \square \quad 90 - 30$

Bài 4: Điền số ?

$\square + 10 > 20$

$35 - \square = 35$

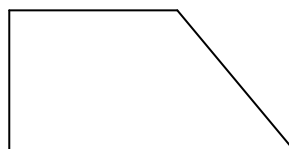
$\square + 30 < 50$

$20 + \square > 20$

Bài 5 : Nhà An nuôi được 38 con gà và con thỏ, trong đó có 12 con thỏ. Hỏi nhà An nuôi được bao nhiêu con gà?

Bài giải:

Bài 6: Vẽ thêm một đoạn thẳng vào hình bên để được một hình vuông và một hình tam giác.



ĐỀ SỐ 18

Câu 1: a.Khoanh tròn vào chữ số lớn nhất:

12 , 25 , 53 , 67 , 34 .

b. Khoanh tròn vào chữ cái bé nhất

85 , 56 , 24, 12 , 25.

Câu 2: Tính nhẩm:

$$25 + 0 = \dots$$

$$45 - 12 = \dots$$

$$12 + 23 = \dots$$

$$89 - 34 = \dots$$

Câu 3: Đặt tính rồi tính:

$$45 + 21$$

$$58 - 35$$

$$64 - 42.$$

Câu 4:

a. Đo độ dài của đoạn thẳng MN

M

N

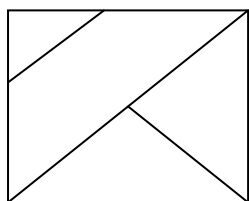


b. Vẽ đoạn thẳng theo những kích thước sau: 8cm, 12 cm

Câu 5: Bạn Linh có 15 quyển vở, Bạn Vĩ có ít hơn bạn Linh 3 quyển vở. Hỏi bạn Vĩ có bao nhiêu quyển vở?

Câu 6: Một cửa hàng bán vải. buổi sáng cửa hàng bán được 45 m vải, buổi chiều cửa hàng bán được 12 m vải nữa. Hỏi cả ngày cửa hàng bán bao nhiêu m vải?

Câu 7: cho hình vẽ



- Trong hình có bao nhiêu hình vuông? Có.....Hình vuông
- Trong hình có bao nhiêu hình tam giác? Có.....Hình tam giác

ĐỀ SỐ 19

Bài 1:

a / **Viết số :**

Ba mươi chín :

Sáu mươi hai :

Năm mươi lăm :

Bốn mươi tám :

Tám mươi tám :

Chín mươi bảy :

b/ Viết các số ; 25 , 58 , 72 , 36 , 90 , 54 theo thứ tự :

-Từ lớn đến bé :

-Từ bé đến lớn :

c /

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 40 | |
| | 75 | |
| | 99 | |

Bài 2

a / Tính nhẩm :

$$15 + 4 - 8 = \dots\dots\dots$$

$$80 \text{ cm} - 50 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$18 - 6 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

b / Đặt tính và tính :

$$35 + 12$$

$$85 - 43$$

$$60 + 15$$

$$78 - 38$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3 : Điền dấu : < > = vào chỗ chấm

$$19 - 4 \dots\dots\dots 25$$

$$30 + 40 \dots\dots\dots 60 + 20$$

$$40 + 15 \dots\dots\dots 58$$

$$42 + 5 \dots\dots\dots 58 - 8$$

Bài 4 :

Đàn gà nhà em có 35 con gà mái và 12 con gà trống . Hỏi đàn gà nhà em có tất cả bao nhiêu con gà ? .

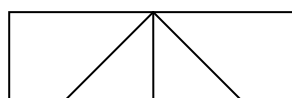
Bài giải :

.....

.....

.....

Bài 5 : Hình bên có:



- hình vuông
- hình tam giác

Bài 6 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a/ Số 62 gồm:

b/ Đồng hồ chỉ

A, 60 chục và 2 đơn vị

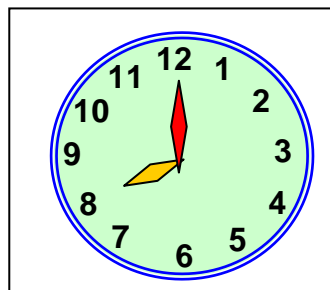
A, 12 giờ

B, 6 chục cà 2 đơn vị

B, 8 giờ

C, 2chục và 6 đơn vị

C, 4 giờ



ĐỀ SỐ 20

Bài 1. Điền số, viết số:

a. Điền số ?

| | | | | | | | | | |
|----|--|--|----|--|----|--|--|--|----|
| 65 | | | 68 | | 70 | | | | 74 |
|----|--|--|----|--|----|--|--|--|----|

b. Viết(theo mẫu):

53: Năm mươi ba

30 :

60:.....

Tám mươi bốn: 84

Bảy mươi ba:.....

Hai mươi một:.....

c. Viết các số 27 ; 63; 55; 20

- Theo thứ tự từ bé đến lớn :

- Theo thứ tự từ lớn đến bé :+.....-.....

Bài 2. Tính :

a/ $15 + 3 - 4 = \dots\dots\dots$

$$50 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$
$$80 - 40 + 20 = \dots\dots\dots$$
$$13 \text{ cm} + 5 \text{ cm} - 7 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

b/ 52

87

41

59

13

45

17

19

.....

Bài 3 : Điền dấu?

>
<
=

$75 \text{ } 23 + 34$

$86 - 25 \text{ } 51$

$20 + 35 \text{ } 56$

$67 - 7 \text{ } 90 - 30$

Bài 4: Điền số ?

$\square + 10 > 20$

$35 - \square = 35$

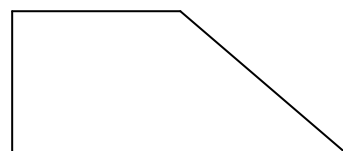
$\square + 30 < 50$

$20 + \square > 20$

Bài 5 : Nhà An nuôi được 38 con gà và con thỏ, trong đó có 12 con thỏ. Hỏi nhà An nuôi được bao nhiêu con gà?

Bài giải:

Bài 6: Vẽ thêm một đoạn thẳng vào hình bên để được một hình chữ nhật và một hình tam giác.



ĐỀ SỐ 21

Bài 1. (2 điểm)

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

70 ; ; ; 73 ; ; ;

..... ; ; 50 ; ; ; ; 54

b) Viết các số :

Ba mươi tư :

Năm mươi ba :

Hai mươi lăm :

Một trăm :

c) Viết số theo thứ tự từ lớn đến bé : 78 ; 87 ; 94 ; 49

.....

Bài 2. (2 điểm) Đặt tính rồi tính :

$$20 + 40$$

$$34 - 12$$

$$23 + 32$$

$$58 - 48$$

Bài 3. (2 điểm) Tính :

$$13 + 4 - 5 = \dots\dots\dots$$

$$24 \text{ cm} - 4 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$26 - 5 + 8 = \dots\dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 7 \text{ cm} - 37 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Bài 4. (1 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống :

$$\square + 43 = 43$$

$$56 - \square = 6$$

$$22 + \square = 27$$

$$35 - \square = \square$$

Bài 5. (2điểm)

a) Viết tiếp vào bài giải :

Bà có 36 quả trứng, bà đã bán 24 quả. Hỏi bà còn bao nhiêu quả trứng ?

Bài giải

Bà còn lại số quả trứng là :

.....

Đáp số :

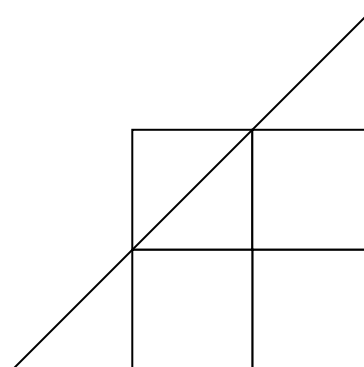
b) An có 12 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ. Hỏi An có tất cả bao nhiêu viên bi ?

Bài giải

Bài 6. (1điểm) Hình vẽ bên có :

a) Có hình tam giác

b) Cóvuông



Bài 1: Viết các số 36, 63, 69, 84 theo thứ tự:

A, Từ bé đến lớn:.....

B, Từ lớn đến bé:

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$63 + 35$$

$$31 + 46$$

$$87 - 24$$

$$79 - 27$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tính:

$$50 + 30 = \dots\dots$$

$$90 - 40 = \dots\dots\dots$$

$$29 - 5 = \dots\dots\dots$$

$$27 + 2 = \dots\dots\dots$$

$$15 + 2 - 3 = \dots\dots\dots$$

$$87 - 2 - 4 = \dots\dots\dots$$

Bài 4 : Nga hái được 23 bông hoa , Hồng hái được 26 bông hoa . Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

.Giải

.....

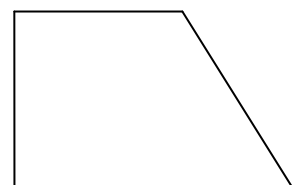
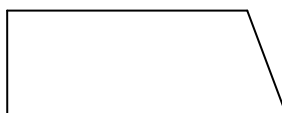
.....

.....

Bài 5 : Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng để có :

A , Một hình vuông và một hình tam giác.

B , Có hai hình tam giác :



ĐỀ SỐ 23

1/- Điền số vào chỗ chấm : (1 đ) .

a- 79, , 81 ,....., , , 85 , , , , 89 , ,
..... .

b- 10, 20,.....,..... , 50,....., 70,.....,90

2/- Đúng ghi Đ , sai ghi S : (1 đ) .

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 35 \\ \hline 52 \end{array} \boxed{}$$

$$\begin{array}{r} 66 \\ - 21 \\ \hline 34 \end{array} \boxed{}$$

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 13 \\ \hline 48 \end{array} \boxed{}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ + 12 \\ \hline 72 \end{array} \boxed{}$$

3/- Khoanh vào trước số nào em cho là đúng : (1đ)

Số liền sau của 46 là :

a - 45

b - 47

c - 48

4/- Viết các số : 72, 38, 64 (1 đ)

a- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

5/- Tính nhẩm : (1,5 đ) $75 - 4 = \dots\dots$; $51 + 37 = \dots\dots$
 $40 + 30 + 4 = \dots\dots$

6/-Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống: (1,5 đ)

$60 - 20 \square 10 + 30$; $53 + 4 \square 53 - 4$; $75 - 5 \square 75 - 4$

7/-Đặt tính rồi tính: (1 đ)

$53 + 14$; $85 - 64$

.....

8/- Một thanh gỗ dài 97 cm, bố em cưa bớt đi 22 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng ti mét? (2 đ)

.....

ĐỀ SỐ 24

Bài 1 : Viết các số 36 , 63 , 69 , 84 theo thứ tự :

a , Từ bé đến lớn :

b, Từ lớn đến bé:

Bài 2 : Đặt tính rồi tính :

| | | | |
|-----------|----------|-----------|----------|
| $63 + 35$ | $3 + 46$ | $87 - 24$ | $79 - 7$ |
| | | | |

.....

.....

Bài 3 : Tính .

$$50 + 30 = \quad 90 - 40 = \quad 29 - 5 =$$

$$27 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = \quad 15 + 2 - 3 = \quad 87 - 2 - 4 =$$

Bài 4 : Nga và Lan hái được 49 bông hoa , riêng Lan hái được 2 chục bông hoa . Hỏi Nga hái được bao nhiêu bông hoa ?

.Giải

.....

.....

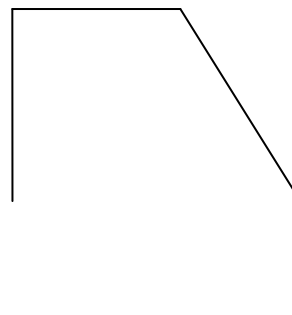
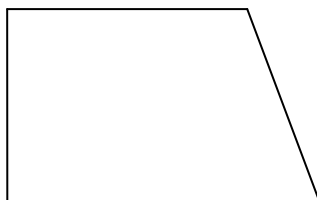
.....

.....

Bài 5 : Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng để có :

A , Một hình vuông và một hình tam giác.

B , Có hai hình tam giác :



1. a) Viết các số

Năm mươi tư : ; Mười :

Bảy mươi một : ; Một trăm :

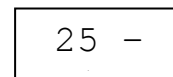
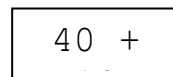
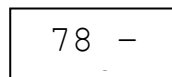
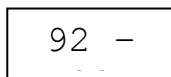
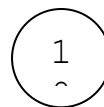
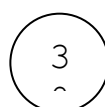
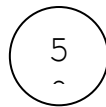
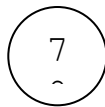
b) Khoanh tròn số bé nhất :

54 ; 29 ; 45 ; 37

c) Viết các số 62 ; 81 ; 38 ; 73 theo thứ tự từ lớn đến bé :

.....

2. a) Nối số với phép tính thích hợp :



b) Đặt tính rồi tính :

$$3 + 63$$

$$99 - 48$$

$$54 + 45$$

$$65 - 23$$

.....

e) Tính :

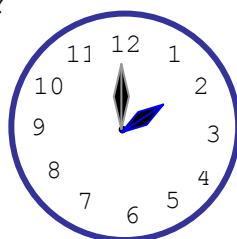
$$27 + 12 - 4 = \dots\dots\dots ;$$

$$38 - 32 + 32 = \dots\dots\dots$$

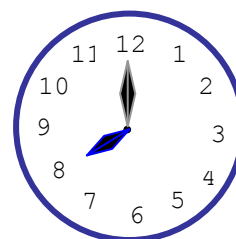
$$25\text{cm} + 14\text{cm} = \dots\dots\dots ;$$

$$56\text{cm} - 6\text{cm} + 7\text{cm} = \dots\dots\dots$$

3. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



..... giờ



..... giờ

4. Viết <, >, =

$$27 \dots\dots\dots 31$$

;

$$99 \dots\dots\dots 100$$

$94 - 4 \dots\dots\dots 80$

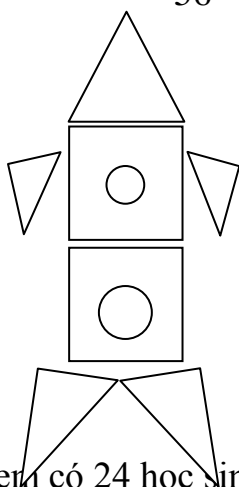
$18 \dots\dots\dots 20 -$

10

$56 - 14 \dots\dots\dots 46 - 14$

$25 + 41 \dots\dots\dots 41 + 25$

5.



Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình vuông

..... hình tròn

6. Lớp em có 24 học sinh nữ , 21 học sinh nam. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu học sinh?

Giải

.....

7. Một sợi dây dài 25cm . Lan cắt đi 5cm . Hỏi sợi dây còn lại dài mấy xăng ti mét ?

Giải

.....

8. Viết số thích hợp vào

$$\begin{array}{r} 7 \square \\ + \\ 12 \\ \hline 87 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ - \square \\ \hline 24 \\ 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 9 \\ + \square \\ \hline 10 \\ 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 4 \\ - \\ \hline 20 \\ 44 \end{array}$$

9. Tính nhẩm : $43 + 6 = \dots\dots\dots$

; $60 - 20 = \dots\dots\dots$

$50 + 30 = \dots\dots\dots$

; $29 - 9 = \dots\dots\dots$

BÀI 1 : Viết số (2điểm)

e) Viết các số từ 89 đến 100 :

.....

f) Viết số vào chỗ chấm :

Số liền trước của 99 là ; 70 gồm chục và đơn vị

Số liền sau của 99 là ; 81 gồm chục và đơn vị

BÀI 2 : (3điểm)

d) Tính nhẩm :

$3 + 36 = \dots\dots\dots$; $45 - 20 = \dots\dots\dots$; $50 + 37 = \dots\dots\dots$; $99 - 9 = \dots\dots\dots$

e) Đặt tính rồi tính :

$$51 + 27$$

$$78 - 36$$

.....

.....

.....

.....

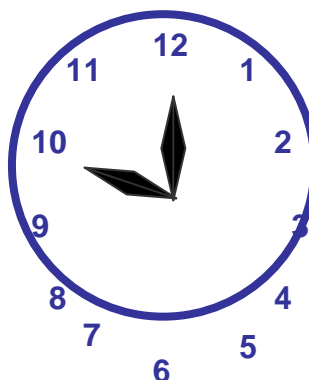
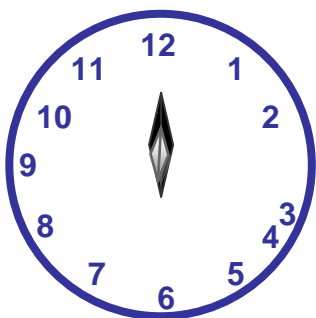
.....

.....

f) Tính :

$17 + 14 - 14 = \dots\dots\dots$; $38 \text{ cm} - 10\text{cm} = \dots\dots\dots$

BÀI 3 : Đồng hồ chỉ mấy giờ ? (1điểm)

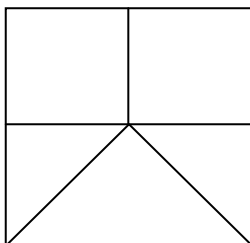


..... giờ

..... giờ

BÀI 4 : $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$? $79 \dots\dots 74$; $56 \dots\dots 50 + 6$
(1điểm) $60 \dots\dots 95$; $32 - 2 \dots\dots 32 + 2$

BÀI 5 : (1điểm)



Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình vuông

BÀI 6 : Trong vườn nhà em có 26 cây cam và cây bưởi, trong đó có 15 cây cam. Hỏi trong vườn nhà em có bao nhiêu cây bưởi ?

Giải

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 27

Bài 1 :

...../ 2
điểm

a).Viết số thích hợp vào chỗ trống :

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 41 | |
| | 70 | |

b).

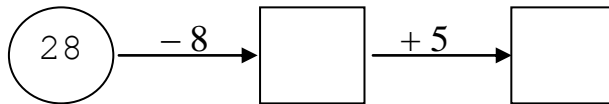
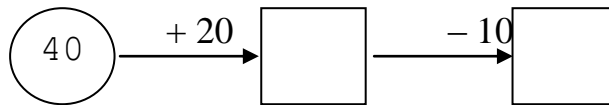
Khoanh vào số lớn nhất :

75 ; 58 ; 92 ; 87

c). Viết các số : 47 ; 39 ; 41 ; 29 theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

Viết số thích hợp vào ô trống :



Bài 2 :

...../ 1
điểm

a). Đặt tính rồi tính :

$$24 + 35$$

$$67 - 54$$

$$73 + 21$$

$$98 - 97$$

.....
.....
.....

b). Tính :

$$32 + 5 - 13 = \text{.....} ; \quad 76 - 4 + 4 = \text{.....}$$

$$30\text{cm} + 4\text{cm} = \text{.....} ; \quad 18\text{cm} - 8\text{cm} = \text{.....}$$

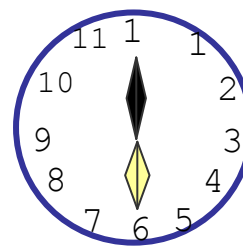
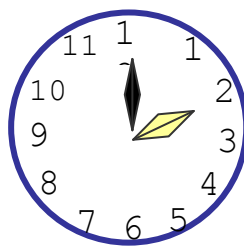
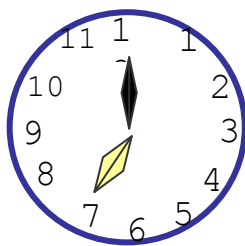
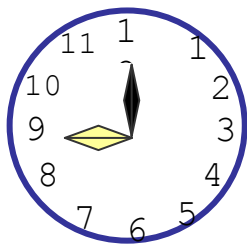
Bài 3 :

...../ 4
điểm

Bài 4 :

...../ 1
điểm

Nối đồng hồ với giờ thích hợp :



2 giờ

6 giờ

7 giờ

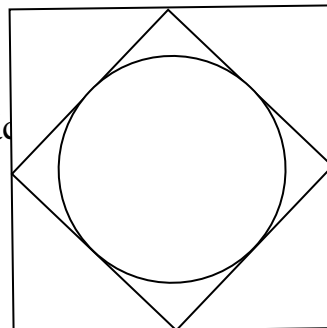
9 giờ

Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Hình vẽ bên có : hình tam giác

..... hình tròn

..... hình vuông



Bài 5 :

...../ 1
điểm

Băng giấy màu xanh dài 40cm , băng giấy màu đỏ dài 30cm . Hỏi cả hai băng giấy dài bao nhiêu xăng ti mét ?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6 :

...../ 1
điểm

ĐỀ SỐ 28

1. Tính:

$13 + 34 =$

$17 + 23 =$

$11 + 44 =$

$24 + 25 =$

$12 + 16 =$

$62 + 26 =$

$20 + 20 =$

$30 + 30 =$

$50 + 20 =$

$37 + 40 =$

$58 + 20 =$

$66 + 30 =$

2. Tính:

$20 + 30 + 30 =$

$50 - 10 - 30 =$

$90 - 20 + 30 =$

$21 + 32 + 40 =$

$65 - 33 - 10 =$

$65 + 10 - 23 =$

$32 + 43 + 54 =$

$79 - 47 - 21 =$

$35 + 42 - 54 =$

3. Đặt tính rồi tính

$16 + 33$

$26 - 14$

$33 + 45$

$20 + 50$

$95 - 60$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Điền dấu <, > hoặc = vào ô trống cho đúng

| | | |
|----|--|----|
| 12 | | 19 |
|----|--|----|

| | | |
|----|--|------|
| 37 | | 32+7 |
|----|--|------|

| | | |
|---|--|----|
| 9 | | 13 |
|---|--|----|

| | | |
|-------|--|------|
| 12 +5 | | 19-4 |
|-------|--|------|

| | | |
|----|--|------|
| 37 | | 3+34 |
|----|--|------|

| | | |
|------|--|------|
| 9 +1 | | 13-3 |
|------|--|------|

5. Trong vườn nhà em có 26 cây cam, Bố em bán đi 13 cây cam. Hỏi trong vườn nhà em còn lại tất cả bao nhiêu cây cam?

Tóm tắt:

Bán: ... Cây cam

Còn tất cả ... cây cam?

Có: ... Cây cam

Lời giải

.....
.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 29

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

| | | |
|---------|---------|--------|
| $35+24$ | $95-41$ | $4+82$ |
| $76-32$ | $82+6$ | $76-3$ |

Bài 2: Tính.

| | | |
|-----------|-----------|---------|
| $50+3-13$ | $70+4-4$ | $85-5$ |
| $92-10+2$ | $13+50-3$ | $85-15$ |

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

| | |
|------------------|------------------|
| $82- \dots = 72$ | $34- \dots = 4$ |
| $49- \dots = 47$ | $36- \dots = 10$ |

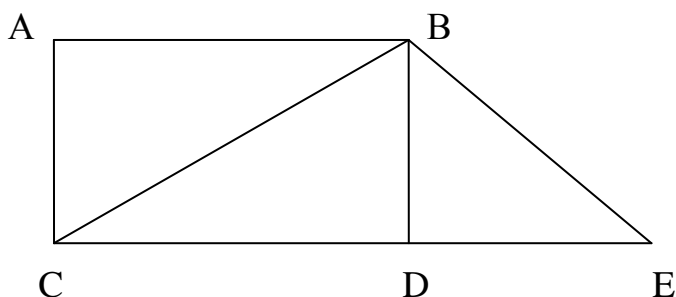
Bài 4:

| | | |
|-----|-----------------------------|---------------------|
| $>$ | $67-7 \dots 67-4$ | $36+3 \dots 36-3$ |
| $<$ | $? \quad 80-60 \dots 70-50$ | $84-13 \dots 74-13$ |
| $=$ | | |

Bài 5: Một sợi dây dài 62cm, Hà cắt đi 30cm. Hỏi sợi dây còn lại bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài 6*: Hình vẽ bên có:

- ...Hình tam giác.
- ... Hình chữ nhật.
- ... Đoạn thẳng.
- ... Điểm.



ĐỀ SỐ 30

Bài 1: Viết các số 28, 48, 35, 82, 73, 18. Theo thứ tự:

- Từ bé đến lớn:.....
- Từ lớn đến bé:.....

Bài 2: Với các số 0, 1, 2 lập được tất cả mấy số có hai chữ số khác nhau?

Bài 3: Đặt tính rồi tính.

| | | |
|---------|---------|--------|
| $33+52$ | $75-35$ | $8+91$ |
| $96-23$ | $60+28$ | $14+3$ |

Bài 4: Viết các số tròn chục có hai chữ số:

.....
Bài 5: Lan có 28 bút chì, Lan cho bạn 8 bút chì. Hỏi Lan còn lại mấy bút chì?

Bài 6*: Nếu Toàn có thêm 16 viên bi thì Toàn sẽ có tất cả 66 viên bi. Hỏi Toàn có tất cả bao nhiêu viên bi?

Bảng các số đến 100

| | | | | | | | | | |
|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
| 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 |
| 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 |
| 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 |
| 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 |
| 91 | 92 | 93 | 94 | 95 | 96 | 97 | 98 | 99 | 100 |

- Các số có một chữ số là: 0;
- Các số tròn chục có hai chữ số là:
.....
.....
- Các số có hai chữ số giống nhau là:

- Số nhỏ nhất có một chữ số là:
- Số lớn nhất có một chữ số là:
- Số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số là:
- Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:
- Số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là:
- Số lớn nhất có hai chữ số giống nhau là:
- Số 100 có chữ số.

• **Tập đếm các số trong phạm vi 100 theo đúng thứ tự.**

Bài 1 Đặt tính rồi tính

| | | | | |
|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|
| $45 + 32$ | $32 + 45$ | $77 - 32$ | $77 - 45$ | $6 + 33$ |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Bài 2: Cho ba số 43 ; 68; 25 và các dấu +; -; = hãy viết các phép tính đúng

.....

Bài 3: < > =

| | | |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| $99 - 55$ $88 - 33$ | $99 - 53$ $89 - 43$ | $21 + 3$ $29 - 4$ |
| $88 - 33$ $77 - 44$ | $55 + 44$ $72 + 27$ | $57 - 23$ $89 - 57$ |
| $5 + 23$ $23 + 5$ | $98 - 35$ $89 - 24$ | $43 + 6$ $46 + 3$ |

Bài 4: Tính

| | | |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| $53 + 24 + 2 =$ | $89 - 25 - 4 =$... | $76 + 20 - 5 =$ |
| $53 + 2 + 24 =$... | $89 - 4 - 25 =$... | $89 - 29 + 5 =$ |
| $32 + 23 + 14 =$... | $57 + 32 - 46 =$... | $68 - 45 + 21 =$... |
| $79 - 23 - 14 =$... | $57 - 46 + 32 =$... | $68 + 21 - 45 =$... |

Bài 5: Tháng này bố làm được 25 ngày công, mẹ làm được 24 ngày công. Hỏi bố và mẹ làm được tất cả bao nhiêu ngày công?

Tóm tắt

Bài giải

Bố làm: ngày công

Mẹ làm:ngày công

Tất cả: ngày công?

Bài 6: Ô tô bắt đầu chạy lúc 6 giờ ở Hà Nội và đến Hải Phòng lúc 9 giờ. Hỏi từ Hà Nội đến hải Phòng ô tô chạy hết mấy giờ?

Bài giải

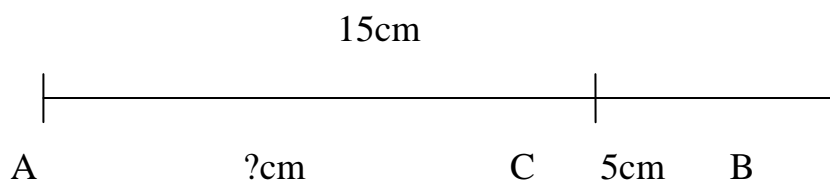
.....
.....
.....
.....

Bài 7: Ô tô bắt đầu chạy lúc 3 giờ ở Hải Phòng và sau 3 giờ sẽ đến Hà Nội. Hỏi ô tô đến Hà Nội lúc mấy giờ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 8: Đoạn thẳng AB dài 15cm, bớt đi đoạn thẳng BC dài 5 cm. Hỏi đoạn thẳng AC còn lại bao nhiêu xăngtimét?



Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 9: Mẹ đi công tác 19 ngày. Mẹ đã ở đó 1 tuần lễ. Hỏi mẹ còn phải ở đó mấy ngày nữa?

Bài giải 1 tuần lễ = ngày

.....
.....

.....

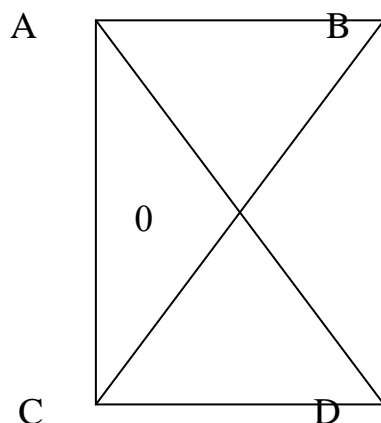
.....

Bài 10:

Có điểm

Có đoạn thẳng

Có hình tam giác



Bài 11: - Số lớn nhất có một chữ số là:

- Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

- Lấy số tròn chục lớn nhất có hai chữ số cộng với số lớn nhất có một chữ số được kết quả là:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$42 + 36$

$25 + 74$

$78 - 45$

$99 - 54$

$2 + 82$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính

$43 + 22 + 31 = \dots\dots$

$89 - 43 - 25 = \dots\dots$

$67 + 22 - 35 = \dots$

$96 - 43 - 22 = \dots\dots$

$89 - 25 + 43 = \dots\dots$

$67 - 35 + 22 = \dots\dots$

Bài 3: Có một thanh gỗ được cưa thành hai mảnh dài 32 cm và 60 cm . Hỏi thanh gỗ lúc đầu dài bao nhiêu xăng ti mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Viết các số

- Từ 0 đến 9:
.....
- Từ 10 đến 19:
.....
- Từ 90 đến 99:
- Có tất cả số có một chữ số.

Bài 5: Viết số có hai chữ số thành số chục và số đơn vị (theo mẫu):

| | | |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| $53 = 50 + 3$ | $36 = \dots\dots\dots$ | $69 = \dots\dots\dots$ |
| $35 = \dots\dots\dots$ | $63 = \dots\dots\dots$ | $96 = \dots\dots\dots$ |
| $55 = \dots\dots\dots$ | $33 = \dots\dots\dots$ | $99 = \dots\dots\dots$ |
| $10 = \dots\dots\dots$ | $40 = \dots\dots\dots$ | $80 = \dots\dots\dots$ |

Bài 6: Viết số liền trước và liền sau của số cho trước (theo mẫu):

| | | |
|------------------|-------------------|-------------------|
| 14 ; 15 ; 16 |; 25 ; |; 39 ; |
|; 79; |; 90 ; |; 99; |

Bài 7: Tính

| | | |
|------------------------|-----------------------------|------------------------|
| $40 + 50 = \dots\dots$ | $90 + 10 = \dots\dots$ | $72 + 27 = \dots\dots$ |
| $50 + 40 = \dots\dots$ | $10 + 90 = \dots\dots\dots$ | $27 + 72 = \dots\dots$ |
| $60 + 20 = \dots\dots$ | $62 + 35 = \dots\dots$ | $53 + 35 = \dots\dots$ |
| $20 + 60 = \dots\dots$ | $35 + 62 = \dots\dots$ | $35 + 53 = \dots\dots$ |

Bài 8: Tính nhẩm

| | | |
|---------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| $50 + 20 + 6 = \dots\dots$ | $50 + 26 + 3 = \dots\dots$ | $72 + 4 + 3 = \dots\dots$ |
| $50 + 30 + 9 = \dots\dots\dots$ | $50 + 36 + 2 = \dots\dots$ | $86 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$ |
| $70 + 20 + 8 = \dots\dots\dots$ | $70 + 28 + 1 = \dots\dots$ | $94 + 3 + 2 = \dots\dots$ |

Bài 9: Tháng trước bố làm được 24 ngày công. Tháng này bố làm được 22 ngày công.
 Tính số ngày công bố làm được trong hai tháng đó.

Bài giải

.....

Bài 10: Mảnh vải dài 95cm. mẹ may quần cho con hết 70cm. Hỏi còn lại bao nhiêu xăng ti mét vải?

Bài giải

.....

Bài 11: Cho các số: 76; 85; 19; 5; 23 hãy viết các số theo thứ tự:

- Từ bé đến lớn:
- Từ lớn đến bé:

Bài 12:

- Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:
- Số lớn nhất có hai chữ số giống nhau là:
- Lấy số lớn nhất có hai chữ số giống nhau trừ số bé nhất có hai chữ số giống nhau được kết quả là:

Bài 1: Số?

$$..... + 23 = 46$$

$$98 - = 34$$

$$6 + = 17$$

$$78 - = 70$$

$$.... - 71 = 12$$

$$..... + 34 = 67$$

$$90 - = 70$$

$$76 - ... = 0$$

$$54 - = 54$$

Bài 2: Tính

$$86 - 34 =$$

$$97 - 50 =$$

$$60 - 40 =$$

$$86 - 52 =$$

$$50 + 47 =$$

$$60 + 40 =$$

$$52 + 34 =$$

$$68 - 34 =$$

$$100 - 40 =$$

$$97 - 47 =$$

$$34 + 34 =$$

$$100 - 60 =$$

Bài 3:

$$40 + 30 + 8 =$$

$$70 - 30 + 2 =$$

$$97 - 7 - 40 = ...$$

$50 + 40 + 7 = \dots$

$90 - 50 + 4 = \dots$

$97 - 40 - 7 = \dots$

Bài 4: < > =

$40 + 5 \dots 49 - 7$

$34 + 25 \dots 43 + 15$

$79 - 28 \dots 65 - 14$

$79 - 24 \dots 97 - 42$

Bài 5: Lớp học có 20 học sinh nam và 16 học sinh nữ. Hỏi lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 6: Viết số:

Bảy mươi ba:

Chín mươi lăm:

Sáu mươi tư:

Ba mươi bảy:

Năm mươi chín:

Năm mươi một:

Bài 7: Lớp em có 36 bạn; có 14 bạn đi học vẽ. Số bạn còn lại đi học hát. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn học hát?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 8: Lớp em có 22 bạn xếp loại khá và 10 bạn xếp loại giỏi. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu bạn được xếp loại khá và giỏi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 9:

a, Viết các số vào chỗ chấm

- , 56 , , , , , , 62 , , , , , , 68.
- 78, 77, 76, , , , , , , , 68
- 41 , 40 , 39, , , , , , , 33

b, Đọc số

64 :

65 :

31:

5:

Bài 10 : Tính

$$26 + 32 - 45 = \dots\dots\dots$$

$$77 \text{ cm} - 35 \text{ cm} + 26 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$68 - 40 - 26 = \dots\dots\dots$$

$$57 \text{ cm} + 20 \text{ cm} + 12 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Bài 11 : Điền dấu > , < , =

$$45 - 24 \dots\dots\dots 17 + 10$$

$$32 + 16 \dots\dots\dots 20 + 28$$

$$24 + 35 \dots\dots\dots 78 - 21$$

$$37 - 17 \dots\dots\dots 56 - 36$$

Bài 12 : Số ?

$$51 + \dots\dots\dots < 56$$

$$\dots\dots\dots + 67 = 89$$

$$\dots\dots\dots - 8 > 80$$

$$\dots\dots\dots + 32 = 45 + \dots\dots\dots$$

Bài 13 : Hai hộp bút chì có tất cả 7 chục cái . Hộp thứ nhất có 30 cái. Hỏi hộp thứ hai có bao nhiêu cái ?

Bài giải 7 chục =

.....

Bài 1 : Đoạn đường dài 78 cm . Con kiến đã đi được 50 cm . Hỏi con kiến còn phải đi bao nhiêu xăng ti mét nữa thì tới nơi ?

Bài giải

.....

Bài 2 : Đọc, viết số

- Sáu mươi :

- 15:

- Chín mươi bảy :

- 68 :

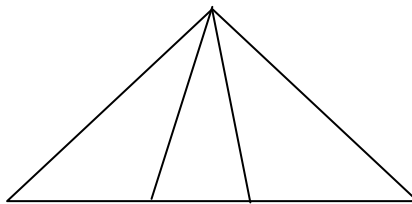
Bài 3 : Cho các số : **45 , 63 , 54 , 78 , 69**

a . Xếp các số theo thứ tự **từ lớn đến bé** :

b. Xếp các số theo thứ tự **từ bé đến lớn** :

Bài 4: Đúng ghi đ , sai ghi s

- Có 6 hình tam giác ☐
- Có 5 hình tam giác ☐
- Có 4 hình tam giác ☐



Bài 5 :



$45 + 4 \dots\dots\dots 89 - 60$

$36 + 12 \dots\dots\dots 97 - 45$

$73 - 21 \dots\dots\dots 49 - 3$

$43 + 14 \dots\dots\dots 88 - 27$

Bài 6 : Số ?

$35 + \boxed{} > 56$

$52 + \boxed{} = 9$

$78 - \boxed{} < 60$

$\boxed{} = 50$

Bài 7 : Khối lớp 2 có 45 học sinh khá và 50 học sinh giỏi . Hỏi khối lớp 2 có bao nhiêu học sinh khá , giỏi ?

Bài giải

.....

Bài 8: Lớp 1 E có 36 bạn , trong đó có 26 bạn gái . Hỏi lớp có bao nhiêu bạn trai?

Bài giải

.....

Bài 9 : Đọc số

75 :

44 :

5 :

4:

Bài 10 : Lớp 1B có 36 bạn học sinh . Lớp 1C có 4 chục học sinh . Hỏi lớp 1B và lớp 1C có bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 11 : Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Mẹ có : 86 cái bánh

Cho Hồng : 10 cái bánh

Còn lại : .. cái bánh ?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 12 : Giải bài toán theo tóm tắt sau:

An và Bình có : 54 hòn bi

Bình có : 3 chục hòn bi

An có : hòn bi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 1 : Nối ô trống với số thích hợp

34 + 40

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

| |
|------|
| 43 |
| + 25 |
| 67 - |
| 45 |
| 97 - |
| 50 |

| |
|----|
| 22 |
| 68 |
| 56 |

| | |
|--|--|
| | |
| | |

Bài 2: Lớp 1B có 36 bạn học sinh . trong đó có 26 bạn học sinh giỏi, còn lại là học sinh khá và trung bình. Hỏi lớp 1B có bao nhiêu bạn học sinh khá và trung bình?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3 : Cho các số : **99 , 7 , 22 , 62, 49, 67**

a . Xếp các số theo thứ tự **từ lớn đến bé** :

b. Xếp các số theo thứ tự **từ bé đến lớn** :

Bài 4: Vẽ đoạn thẳng OA dài 7 cm

.....

Bài 5 :a, Lúc 7 giờ kim phút chỉ vào số , kim giờ chỉ vào số

Lúc 11 giờ kim phút chỉ vào số , kim giờ chỉ vào số

Lúc 12 giờ kim phút chỉ vào số , kim giờ chỉ vào số

Lúc 3 giờ kim phút chỉ vào số , kim giờ chỉ vào số

b, Hôm nay là thứ năm ngày 20 tháng 5. Ngày sinh nhật Bác 19 tháng 5 năm nay là thứ mấy?

Bài 6 : Điền chữ số thích hợp vào chỗ chấm:

| | | | | |
|-----------------------|------------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
| 2 |7 | 9 | 2 7 | 43 |
| $\frac{.....1}{7\ 6}$ | $\frac{3\}{3\ 5}$ | $\frac{2\ 4}{...2}$ | $\frac{...3}{1\}$ | $\frac{...1}{2...}$ |

Bài 7 :

<
>

$95 - 4.....99 - 8$

$84 + 11 99 - 2$

$67 + 2 84 - 2$

$63 - 33 10 + 21$

Bài 8 : Số ?

$$14 + 40 + 3 = \dots\dots$$

$$64 \text{ cm} + 5 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = \dots\dots$$

$$89 - \boxed{}4$$

$$- \boxed{} = 8$$

Bài 9 : Đọc số

65 :

24 :

5 :

4:

85 :

43 :

29 :

64:

Bài 10

Số liền trước 49 là:

Số liền sau 49 là:

Số ở giữa 48 và 50 là:

Bài 11:

a, Viết các số vào chỗ chấm

- .Số liền sau của 79 là :

– Số liền trước của 90 là :

- Số liền trước của 100 là :

– Số liền sau của 0 là :

b, Cho các số : **45 , 47 , 89 , 98 , 23**

->>>>

c, Đọc số

75 :

94:

43:

16:

Bài 12 : Tính

$$36 + 32 - 15 = \dots\dots$$

$$18 \text{ cm} + 41 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$48 - 23 + 12 = \dots\dots$$

$$97 \text{ cm} - 32 \text{ cm} - 2 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Bài 13 : Điền dấu > , < , =

$$26 - 12 \dots\dots 15$$

$$16 + 23 \dots\dots 49 - 11$$

$$47 - 25 \dots\dots 19$$

$$67 - 42 \dots\dots 12 + 13$$

Bài 1 : Số ?

$$88 - \dots\dots < 56$$

$$\dots\dots - 12 = 73$$

..... - 70 > 9

..... - 56 = 41

Bài 2 : a, Một tuần lễ có mấy ngày ?

b, Viết tên các ngày trong tuần lễ bắt đầu từ thứ hai

.....

c, Viết tên những ngày em không đến trường ?

.....

Bài 3 : Hôm nay là ngày 15 và là ngày thứ tư

Ngày mai là ngàyvà là ngày thứ

Ngày kia là ngày và là ngày thứ

Hôm qua là ngày và là ngày thứ

Bài 4 : Em đi ngủ lúc 9 giờ tối . Khi đó kim ngắn chỉ vào số, kim dài chỉ vào số

.....

Bài 5 : Gà mẹ ấp 28 quả trứng . Đã nở 1 chục quả trứng . Hỏi còn lại mấy quả trứng chưa nở ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....**Bài 6 :** Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Mai có : 37 viên bi

Hùng có : 4 chục viên bi

Mai và Hùng : viên bi ?

Bài giải

.....

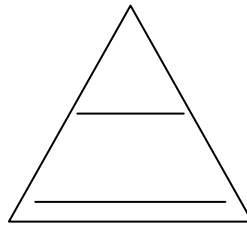
.....

.....

.....

.....

Bài 7 : Có tam giác



Bài 11: Nhà Nga nuôi 64 con gà và vịt, trong đó có 4 chục con gà. Hỏi nhà Nga nuôi bao nhiêu con vịt?

Bài 12: Có 70 bạn đi tham quan. Có 40 bạn lên xe ô tô thứ nhất. Hỏi có bao nhiêu bạn chưa lên xe?

Bài 13: Tủ sách của An có 70 quyển truyện . Nay An mua thêm 10 quyển truyện tranh và 6 quyển báo nhi đồng. Hỏi tủ sách của An có tất cả bao nhiêu quyển truyện và báo?

Bài 14: Nam có 13 quả bóng bay màu xanh, 5 quả bóng bay màu đỏ và 21 quả bóng bay màu trắng. Hỏi Nam có tất cả bao nhiêu quả bóng bay?

Bài 15: Cho các số: 0, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90. Hãy tìm các cặp hai số sao cho khi cộng hai số đó thì có kết quả là 90.

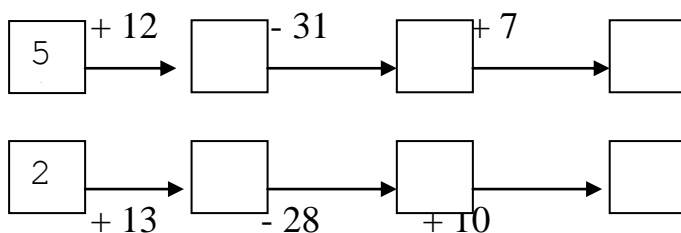
Bài 16: Cho các số: 0, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90. Hãy tìm các cặp hai số sao cho khi cộng hai số đó thì có kết quả là 80.

Bài 17: Cho các số: 0, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90. Hãy tìm các cặp hai số sao cho lấy số lớn trừ số bé thì có kết quả là 50.

Bài 18: Cho 3 số: 7, 11, 18 hãy viết các phép tính đúng.

Bài 19: Cho 3 số 15, 39, 24 hãy viết các phép tính đúng.

Bài 20: Viết số thích hợp vào ô trống:



Bài 4: An có 18 cây bút các loại và thước kẻ. Riêng thước kẻ và bút mực là 6 cái, còn lại là bút chì. Hỏi An có bao nhiêu cái bút chì?

Bài 5: Sân trường có 38 cây các loại, trong đó số cây cảnh trồng trong chậu là 28 cây, còn lại là các cây trồng ở sân. Hỏi có bao nhiêu cây trồng trên sân trường?

Bài 6: Tủ đựng sách trong thư viện có 18 ngăn, trong đó 6 ngăn đựng báo các loại. Hỏi còn lại bao nhiêu ngăn dùng để đựng sách?

Bài 7: $<, >, =$

$$36 + 12 - 37 \dots 42 - 21 - 10$$

$$45 + 13 - 48 \dots 18 - 12 + 10$$

$$54 + 12 - 66 \dots 59 - 30 - 20$$

$$45 + 43 - 78 \dots 28 - 12 - 10$$

$$33 + 22 - 55 \dots 55 - 20 - 25$$

$$30 + 38 - 55 \dots 78 - 72 + 10$$

$$60 + 18 - 77 \dots 58 - 37 - 20$$

Bài 8: Quả mướp dài 45 cm, An cắt 25 cm để nấu bữa sáng, chỗ còn lại để nấu bữa chiều. Hỏi phần còn lại của quả mướp dài bao nhiêu xăng ti mét?

Bài 9 : Nhà bác Tư có 10 con vịt , bác Tư bán 5 vịt và làm thịt 1 đôi để ăn . Hỏi bác Tư còn lại bao nhiêu con vịt?

Bài 1:

Số 37 gồm 3 chục và 7 đơn vị

Số 88 gồm chục và đơn vị

Số 94 gồm chục và đơn vị

Số 19 gồm chục và đơn vị

Số 60 gồm chục và đơn vị

Số 26 gồm chục và đơn vị

Bài 2:

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| | 10 | |
| | 29 | |
| | 73 | |
| | 99 | |

Bài 3:

Số nhỏ nhất có hai chữ số là.....

Số lớn nhất có hai chữ số là.....

Lấy số lớn nhất có hai chữ số trừ đi số nhỏ nhất có hai chữ số được kết quả là:

Số 100 có mấy chữ số là những chữ số nào?.....

100 = Chục

Bài 4:

Nam ăn trưa vào lúc 11 giờ. Lúc đó kim giờ chỉ vào số, kim phút chỉ vào số

Bài 5: Lúc 12 giờ, kim phút chỉ vào số, kim giờ chỉ vào số

Bài 6:

Vẽ hình tam giác thì phải vẽ đoạn thẳng

Bài 7:

Hoà có sợi dây dài 97 cm. Lan có sợi dây dài 85 cm. Sợi dây của bạn nào dài hơn và dài hơn bao nhiêu cm?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 1: Tính

$9 + 40 =$

$29 - 6 =$

$7 + 20 =$

$34 - 4 =$

$6 + 90 =$

$68 - 7 =$

$7 + 51 =$

$99 - 5 =$

Bài 2: <, >, =

$82 - 41 \dots 53 - 12$

$86 - 80 \dots 19 - 3$

$87 - 56 \dots 45 - 14$

$98 - 27 \dots 16 - 6$

$78 - 21 \dots 58 - 12$

$50 - 10 \dots 98 - 80$

Bài 3:

Hôm nay là ngày 21 tháng 7 và là ngày thứ hai

Ngày mai là ngày tháng 7 và là ngày thứ

Ngày kia là ngày tháng 7 và là ngày thứ.....

Hôm qua là ngày tháng 7 và là ngày

Hôm kia là ngày tháng 7 và là ngày thứ

Bài 4:

Hôm nay là ngày thứ hai. Mấy ngày nữa thì đến ngày thứ hai liền sau? Vì sao?

Hôm nay là chủ nhật. Mấy ngày nữa thì đến ngày chủ nhật liền sau? Vì sao?

Bài 5:

Lúc kim dài chỉ vào số....., kim ngắn chỉ vào số 7 là lúc 7 giờ

Lúc kim dài chỉ vào số....., kim ngắn chỉ vào số là lúc 11 giờ

Em đi học buổi sáng, kim dài chỉ vào số, kim ngắn chỉ vào số

Bài 6:

Trên cành cao có 25 con chim đậu, cành dưới có 11 con chim đậu. Có 4 con chim bay từ cành trên xuống cành dưới đậu. Hỏi:

a) Cành trên còn lại bao nhiêu con chim đậu?

b) Cành dưới có bao nhiêu con chim đậu?

Bài 7:

Một quyển truyện có 90 trang. Lan đã đọc được 3 chục trang. Hỏi còn bao nhiêu trang Lan chưa đọc?

Bài 8:

Một quyển truyện có 90 trang, ngày thứ nhất lan đọc được 20 trang, ngày thứ hai lan đọc được 30 trang. Hỏi còn bao nhiêu trang lan chưa đọc?

Bài 1: Viết và đọc số (theo mẫu)

| | | |
|--------------------|----|---------------|
| 9 chục và 8 đơn vị | 98 | Chín mươi tám |
| 8 chục và 9 đơn vị | | |
| 7 chục và 5 đơn vị | | |
| 5 chục và 7 đơn vị | | |
| 6 chục và 1 đơn vị | | |
| 3 chục và 4 đơn vị | | |

Bài 2: Tính nhẩm:

$70 + 20 = \dots$

$75 + 20 = \dots$

$74 + 5 = \dots$

$90 - 50 = \dots$

$98 - 50 = \dots$

$98 - 5 = \dots$

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$52 + 34$

$86 - 52$

$86 - 34$

$79 - 36$

$3 + 45$

$79 - 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Số?

$90 + \dots = 95$

$70 + \dots = 90$

$65 + \dots = 69$

$95 - \dots = 90$

$70 - \dots = 50$

$65 - \dots = 62$

$95 - \dots = 5$

$\dots - 40 = 50$

$65 - \dots = 45$

Bài 5:

An có 10 bút chì màu, 6 bút sáp và 3 bút mực. Hỏi An có tất cả bao nhiêu cái bút các loại?

Bài giải

.....

Bài 6: Viết các số **39, 68, 90, 19, 77** theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....
 ..
 Trong các số đó, số bé nhất là, số lớn nhất là

Bài 7:

Trong giờ thể dục, lớp 1A chia làm hai nhóm tập chạy, nhóm 1 có 21 bạn, nhóm 2 có 23 bạn. Hỏi lớp 1A có bao nhiêu bạn học giờ thể dục?

Bài giải

.....

Bài 8: Viết thành số chục và số đơn vị (theo mẫu):

$$54 = 50 + 4$$

$$83 = \dots + \dots$$

$$92 = \dots + \dots$$

$$45 = \dots + \dots$$

$$38 = \dots + \dots$$

$$29 = \dots + \dots$$

$$55 = \dots + \dots$$

$$88 = \dots + \dots$$

$$99 = \dots + \dots$$

Bài 9: Tính:

$$50 + 30 + 6 = \dots$$

$$86 - 30 - 6 = \dots$$

$$60 + 20 + 5 = \dots$$

$$90 - 30 + 5 = \dots$$

$$86 - 6 - 30 = \dots$$

$$56 + 20 + 3 = \dots$$

$$82 - 30 + 5 = \dots$$

$$82 - 30 + 5 = \dots$$

$$75 - 5 - 30 = \dots$$

Bài 10: Số?

$$63 + \dots = 83$$

$$63 + \dots = 63$$

$$0 + \dots = 5$$

$$63 - \dots = 43$$

$$63 - \dots = 63$$

$$\dots + \dots = 0$$

$$63 - \dots = 60$$

$$63 - \dots = 0$$

$$\dots - \dots = 0$$

Bài 11: Số?

| Số liền trước | Số đã cho | Số liền sau |
|---------------|-----------|-------------|
|---------------|-----------|-------------|

| | | |
|----|----|----|
| 29 | 30 | 31 |
| | 70 | |
| | 99 | |
| | 59 | |
| | 65 | |

Bài 12: Viết các số **69, 86, 98, 17, 75** theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....
 Trong các số đó, số bé nhất là, số lớn nhất là

Bài 1:

Lớp em có 36 bạn, trong đó có 31 bạn xếp loại khá và giỏi còn lại là trung bình. Hỏi lớp em có mấy bạn xếp loại trung bình?

Bài giải

.....

Bài 2: Bố đi công tác xa nhà 1 tuần lễ và 10 ngày. Hỏi bố đi công tác bao nhiêu ngày?

Bài giải

.....

Bài 3: - Viết tất cả các số có một chữ số theo thứ tự giảm dần:

.....

 - Viết tất cả các số có hai chữ số mà mỗi số đều có số chục là 4:

.....
 - Cho hai chữ số 2; 3. Hãy viết tất cả các số có hai chữ số mà mỗi số chỉ gồm các chữ số đã cho:

.....
.....

- Viết tất cả các số tròn chục có hai chữ số:

.....
.....

- Viết tất cả các số có hai chữ số có số đơn vị là 1:

.....
.....

Bài 4: Viết theo mẫu:

| | |
|------------------------|---------------------------|
| $35 = 30 + 5$ | 5 chục và 1 đơn vị: 51 |
| $47 = \dots\dots\dots$ | 6 chục và 3 đơn vị: |
| $90 = \dots\dots\dots$ | 8 chục và 2 đơn vị: |
| $52 = \dots\dots\dots$ | 1 chục và 0 đơn vị: |
| $89 = \dots\dots\dots$ | 7 chục và 1 đơn vị: |

Họ và tên: Lớp 1B **Ôn tập cuối năm**

Bài 1:

| | |
|--|---|
| $30\text{ cm} + 20\text{ cm} = \dots$ | $35\text{ cm} - 15\text{ cm} = \dots\dots\dots$ |
| $70\text{ cm} + 30\text{ cm} = \dots\dots$ | $46\text{ cm} - 26\text{ cm} = \dots\dots\dots$ |

Bài 2:

Vườn nhà Nga có 45 cây vải. Mẹ mới trồng thêm 3 chục cây na . Hỏi vườn nhà nga có tất cả bao nhiêu cây vải và na?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3:

Trong vườn nhà Nga có 45 cây vải và cây na. Trong đó có 2 chục cây vải. Hỏi trong vườn nhà Nga có bao nhiêu cây na?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4:

Mẹ mua cho Hà 24 cái bút các loại. Trong đó có 4 bút mực, 10 bút sáp màu còn lại là bút chì. Hỏi mẹ mua cho Hà bao nhiêu cái bút chì?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5:

Trong sân có 14 con gà, 24 con vịt và 11 con ngan. Hỏi trong sân có tất cả bao nhiêu con gà, vịt và ngan?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6: Viết các số **39, 68, 90, 19, 77** theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....
.....

Trong các số đó, số bé nhất là, số lớn nhất là

Bài 7:

Lớp em có 36 bạn, trong đó có 21 bạn xếp loại khá và 10 bạn xếp loại giỏi còn lại là trung bình. Hỏi lớp em có mấy bạn xếp loại trung bình?

Bài giải

.....

Bài 8: Cho hai chữ số: 4 và 5 hãy viết các số có hai chữ số khác nhau:

.....

Bài 9: Cho ba chữ số: 1; 2; 3 hãy viết các số có hai chữ số khác nhau:

.....

Bài 10: Viết phép cộng số lớn nhất có hai chữ số với số bé nhất rồi tính kết quả:

.....

Bài 11: Viết phép trừ số lớn nhất có hai chữ số khác nhau với số bé nhất có hai chữ số rồi tính kết quả:

Bài 12: Số liền sau của số bé nhất là:

Số liền sau của số bé nhất có hai chữ số là:

Số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số là:

Số liền trước của số lớn nhất có một chữ số là:

Bài 1: Viết thành số chục và số đơn vị (theo mẫu):

$$54 = 50 + 4$$

$$83 = \dots + \dots$$

$$92 = \dots + \dots$$

$$45 = \dots + \dots$$

$$38 = \dots + \dots$$

$$29 = \dots + \dots$$

$$55 = \dots + \dots$$

$$88 = \dots + \dots$$

$$99 = \dots + \dots$$

Bài 2: Tính:

$$50 + 30 + 6 = \dots$$

$$86 - 30 - 6 = \dots$$

$$60 + 20 + 5 = \dots$$

$$90 - 30 + 5 = \dots$$

$$86 - 6 - 30 = \dots$$

$$56 + 20 + 3 = \dots$$

$82 - 30 + 5 = \dots$

$82 - 30 + 5 = \dots$

$75 - 5 - 30 = \dots$

Bài 3: Số?

$63 + \dots = 83$

$63 + \dots = 63$

$0 + \dots = 5$

$63 - \dots = 43$

$63 - \dots = 63$

$\dots + \dots = 0$

$63 - \dots = 60$

$63 - \dots = 0$

$\dots - \dots = 0$

Bài 4: Một thanh gỗ cắt được thành hai thanh dài 70cm và 25 cm. Hỏi thanh gỗ lúc chưa cắt dài bao nhiêu xăng ti mét?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 5: Lớp có 31 học sinh, có thêm 4 học sinh mới vào học. Hỏi lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 6: Lớp có 35 học sinh, có 4 học sinh chuyển đi lớp khác. Hỏi lớp còn bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 7: Đội đồng ca của trường có 59 bạn, trong đó có 35 bạn nữ. Hỏi đội đồng ca có bao nhiêu bạn nam?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 8: Viết tất cả các số có hai chữ số:

- a) là số tròn chục:
- b) Có chữ số chỉ chục là 9:
- c) Có chữ số chỉ chục là 3:

Bài 9: Số?

$90 + \dots = 95$

$70 + \dots = 90$

$65 + \dots = 69$

$95 - \dots = 90$

$70 - \dots = 50$

$65 - \dots = 62$

$95 - \dots = 5$

$\dots - 40 = 50$

$65 - \dots = 45$

Bài 10: Đúng ghi Đ, sai ghi S

| | | | | | | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 46 | 52 | 43 | 58 | 76 | 89 | 65 |
| + | + | + | - | - | - | - |
| 23 | 4 | 5 | 23 | 7 | 8 | 13 |
| <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| 68 | 92 | 48 | 35 | 06 | 81 | 52 |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Bài 11: Viết các số 39, 68, 90, 19, 77 theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

.....

Trong các số đó, số bé nhất là, số lớn nhất là

Bài 12:

$30 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = \dots$

$35 \text{ cm} - 15 \text{ cm} = \dots$

$70 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots$

$46 \text{ cm} - 26 \text{ cm} = \dots$

Bài 13: Viết theo mẫu:

$35 = 30 + 5$

5 chục và 1 đơn vị: 51

$27 = \dots$

7 chục và 3 đơn vị:

$50 = \dots$

5 chục và 2 đơn vị:

$42 = \dots$

8 chục và 0 đơn vị:

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Kết quả của phép tính $32 + 27 - 38$ là:

A. 21

B. 11

C. 22

b) kết quả tính $25 + 13 + 51$ là:

A. 89

B. 98

C. 99

b) kết quả tính $79 - 54 - 24$ là:

A. 49

B. 10

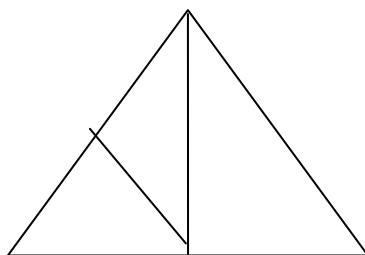
C. 1

c) Trong hình bên có:

A. 3 hình tam giác

B. 4 hình tam giác

C. 5 hình tam giác



Bài 2:

Các số 7; 8; 6; 10 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 10; 8; 7; 6

B. 7; 6; 8; 10

C. 6; 7; 8; 10

Bài 3:

a) Số hình vuông có trong hình bên là:

A. 1

B. 2

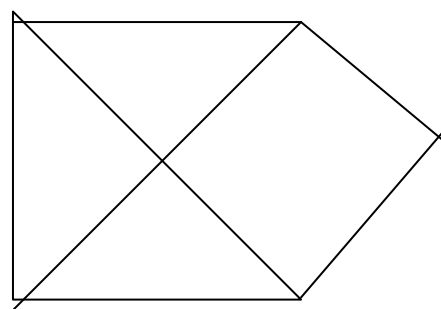
C. 3

b) Số hình tam giác có trong hình bên là:

A. 3

B. 4

C. 5



Bài 4: Điền dấu $<$ $>$ $=$

$$13 + 25 \dots\dots 40$$

$$34 + 42 \dots 42 + 34$$

$$89 - 77 \dots 11$$

$$97 - 25 \dots 86 - 13$$

Bài 5: Mẹ có một bó hoa. mẹ tặng bà 1 chục bông hoa và tặng chị 8 bông hoa. Hỏi mẹ đã tặng tất cả bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Tên: Lớp 1B

Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Số “tám mươi chín” viết là:

A. 98

B. 89

C. 809

b) Số nào dưới đây lớn hơn 78?

A. 69

B. 77

C. 79

c) Kết quả của phép cộng $34 + 45$ là:

A. 79

B. 78

C. 97

d) Kết quả của phép trừ $89 - 76$ là:

A. 12

B. 13

C. 14

e) Kết quả tính $79 - 25 + 20$ là:

A. 34

B. 54

C. 74

f) Một cửa hàng có 37 cái ấm siêu tốc. Hỏi sau khi bán đi 12 cái ấm đó thì cửa hàng còn lại bao nhiêu cái ấm siêu tốc?

A. 25 cái ấm

B. 49 cái ấm

C. 24 cái ấm

Bài 2: Nhà Lan có 1 đôi gà. Nhà Hà có 2 con gà.

A. Số gà nhà Lan ít hơn số gà nhà Hà.

B. Số gà nhà Lan nhiều hơn số gà nhà Hà.

C. Số gà nhà Lan và nhà Hà bằng nhau.

Bài 3: Khoanh vào số lớn nhất:

27

39

46

44

Khoanh vào số bé nhất:

85

58

60

59

Bài 4: Lớp 1A có 35 học sinh, lớp 1B có 3 chục học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 1: Khoa có 1 tá bút chì, lan có 12 cái bút chì. Vậy:

A/ Khoa có nhiều bút chì hơn Lan.

B/ Khoa có ít bút chì hơn lan.

C/ Khoa và Lan có số bút chì bằng nhau.

Bài 2: Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong phép tính:

a) $\dots - 51 = 8$

A/ 59

B/ 43

C/ 60

D/ 63

b) $11 + \dots < 2 + 10$

A/ 0

B/ 1

C/ 2

D/ 0; 1

Bài 3: Lấy số lớn nhất có hai chữ số khác nhau trừ đi số bé nhất có hai chữ số thì được:

A. 68

B. 88

C. 98

D. 74

Bài 4: Bố đi công tác 1 tuần và 3 ngày, như vậy bố đã đi

A. 4 ngày

B. 10 ngày

C. 3 ngày

D. 9 ngày

Bài 5: Viết phép cộng số lớn nhất có 1 chữ số với số bé nhất có 2 chữ số rồi tìm kết quả

.....

Bài 6: Viết phép trừ số lớn nhất có hai chữ số khác nhau trừ đi số bé nhất có hai chữ số giống nhau rồi tìm kết quả:

Bài 7: Nhà Nga có 1 đôi gà và 4 con vịt. Vậy nhà Nga có tất cả:

A. 5 con

B. 6 con

C. 14 con

D. 4 con

Bài 8: Cho hai chữ số 4; 7 hãy viết các số có hai chữ số khác nhau:

.....

.....

Bài 5: Mẹ có một bó hoa. mẹ tặng bà 3 chục bông hoa và tặng chị 8 bông hoa. Hỏi mẹ đã tặng tất cả bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

.....

.....

.....

.....